

CÔNG TY CỔ PHẦN NPH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NPH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NPH JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NPH.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0106909532

3. Ngày thành lập: 21/07/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 172 đường Láng, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
2.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn;	2599
3.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
4.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
5.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
6.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
7.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
8.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023

9.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất giêlatin và dẫn xuất giêlatin, keo hồ và các chất đã được pha chế, bao gồm keo cao su ; - Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên ; - Sản xuất chất giống nhựa ; - Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất ; - Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm ; - Sản xuất phim, giấy ảnh, các vật liệu nhạy với ánh sáng khác ; - Sản xuất hoá chất dùng để làm ảnh ; - Sản xuất các sản phẩm hoá chất khác như: + Pep ton, dẫn xuất của pep ton, các chất proteinkhác và dẫn xuất của chúng, + Dầu mỡ, + Dầu hoặc mỡ được pha chế bằng quá trình hoá học, + Nguyên liệu sử dụng trong hoàn thiện sản phẩm dệt và da, + Bột và bột nhão sử dụng trong hàn, + Sản xuất chất để tẩy kim loại, + Sản xuất chất phụ gia cho xi măng, + Sản xuất các bon hoạt tính, chất phụ gia cho dầu nhờn, chất xúc tác cho cao su tổng hợp, chất xúc tác và sản phẩm hoá chất khác sử dụng trong công nghiệp, + Sản xuất chất chống cháy, chống đóng băng, + Sản xuất hợp chất dùng để thử phản ứng trong phòng thí nghiệm và để chẩn đoán khác ; - Sản xuất mực vẽ và in ; - Sản xuất diêm ; - Sản xuất hương các loại;	2029
10.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
11.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
12.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
13.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
14.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
15.	Đúc sắt, thép	2431
16.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
17.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
18.	Trồng lúa	0111
19.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
20.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
21.	Trồng cây mía	0114
22.	Trồng cây lấy sợi	0116
23.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117

24.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
25.	Trồng cây hàng năm khác	0119
26.	Trồng cây ăn quả	0121
27.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
28.	Trồng cây điều	0123
29.	Trồng cây hồ tiêu	0124
30.	Trồng cây cao su	0125
31.	Trồng cây cà phê	0126
32.	Trồng cây chè	0127
33.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
34.	Trồng cây lâu năm khác	0129
35.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
36.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
37.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
38.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
39.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
40.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
41.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
42.	Khai thác gỗ	0221
43.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
44.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
45.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
46.	Khai thác quặng sắt	0710
47.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
48.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
49.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
50.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
51.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica;	0899
52.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030(Chính)
53.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
54.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
55.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
56.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
57.	Sản xuất đường	1072

58.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
59.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
60.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
61.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Rang và lọc cà phê ; - Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc ; - Sản xuất các chất thay thế cà phê ; - Trộn chè và chất phụ gia ; - Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm ; - Sản xuất giấm ; - Sản xuất các loại trà được thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã) ; - Sản xuất thực phẩm chức năng;	1079
62.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: - Sản xuất bột hoặc nước ngọt không cồn: nước chanh, nước cam, côla, nước hoa quả, nước bổ dưỡng;	1104
63.	Sản xuất sợi Chi tiết: - Chuẩn bị sợi dệt: quay và dệt sợi; trải len các loài thực vật ;	1311
64.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
65.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
66.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
67.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
68.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
69.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
70.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
71.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
72.	In ấn	1811
73.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
74.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
75.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
76.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
77.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
78.	Bốc xếp hàng hóa	5224

79.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay - Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan	5229
80.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
81.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
82.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
83.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
84.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán lẻ phân bón và sản phẩm nông hóa; Bán lẻ chất dẻo dạng nguyên sinh;	4669
85.	Bán buôn tổng hợp	4690
86.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
87.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Rau, quả tươi, đông lạnh hoặc được bảo quản, chế biến; - Sữa, sản phẩm từ sữa và trứng; - Thịt và sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, tươi, đông lạnh và chế biến; - Hàng thủy sản tươi, đông lạnh và chế biến; - Bánh, mứt, kẹo; - Bán lẻ thực phẩm chức năng	4722
88.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
89.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
90.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
91.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
92.	Xuất bản phần mềm	5820
93.	Lập trình máy vi tính	6201
94.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
95.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm	6209
96.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
97.	Cổng thông tin	6312
98.	Sản xuất xe có động cơ	2910
99.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
100.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
101.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
102.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

103.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
104.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
105.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
106.	Tái chế phế liệu	3830
107.	Xây dựng nhà các loại	4100
108.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
109.	Xây dựng công trình công ích	4220
110.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
111.	Phá dỡ	4311
112.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
113.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
114.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
115.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
116.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
117.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
118.	Bán mô tô, xe máy	4541
119.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
120.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
121.	Bán buôn gạo	4631
122.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Bán buôn rau, quả ; - Bán buôn cà phê; - Bán buôn chè; - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; - Bán buôn đường, bánh, mứt, kẹo, sôcôla, cacao; - Bán buôn thực phẩm khác;	4632
123.	Bán buôn đồ uống	4633
124.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lã	4634
125.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641

126.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu;	4649
127.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
128.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
129.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
130.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
131.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dầu hoả, bình ga, than, củi sử dụng làm nhiên liệu để đun nấu trong gia đình; - Bán lẻ hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh như chổi, bàn chải, giẻ lau...;	4773
132.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh.	4932
133.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
134.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
135.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
136.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dạy lái xe;	8559
137.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
138.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư ; - Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng.	6619
139.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
140.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
141.	Quảng cáo	7310

142.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
143.	Cho thuê xe có động cơ	7710
144.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
145.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
146.	Điều hành tua du lịch	7912
147.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
148.	(Đối với những ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN MÃO	Số 30, ngõ 90 phố Chính Kinh, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	25	042052000032	
			Tổng số	50.000	500.000.000	25		
2	DƯƠNG VĂN NAM	Phòng 511- B21, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	25	012128485	
			Tổng số	50.000	500.000.000	25		
3	TRẦN ANH THẢO	Số 66 Phạm Ngũ Lão, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	25	024268468	
			Tổng số	50.000	500.000.000	25		
4	LÊ NGỌC HOAN	Số 190, đường Quán Thánh, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	25	010442192	
			Tổng số	50.000	500.000.000	25		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: DƯƠNG VĂN NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Ngày sinh: 12/09/1971

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012128485

Ngày cấp: 27/06/2013

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Phòng 511- B21, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Phòng 511- B21, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội